**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua KBNN**

**Số quyết định:** 230/QĐ-BTC

**Tên thủ tục:** Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua KBNN

**Cấp thực hiện:** Cấp TW, cấp tỉnh, cấp huyện

**Loại thủ tục:** TTHC đặc thù

**Lĩnh vực:**  Kho bạc

*(1) Tên TTHC*: Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua KBNN.

*(2) Trình tự thực hiện:*

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại KBNN: Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ tới KBNN nơi giao dịch. Sau đó, KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, KBNN làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN:

Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN. Sau đó, KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, KBNN làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi thông báo xác nhận đã thực hiện thanh toán (kèm chứng từ báo Nợ) cho đơn vị. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN.

Đối với các khoản chi được thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau trong trường hợp giao dịch trực tiếp tại KBNN hoặc thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN, thì KBNN tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp; đồng thời, gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, KBNN thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN gửi thông báo kết quả kiểm soát chi cho đơn vị (trong đó, nêu rõ lý do từ chối thanh toán); sau đó, xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo. Trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc dự toán để giảm trừ thì KBNN có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

*(3) Cách thức thực hiện*: Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở KBNN hoặc gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với KBNN (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

*(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:*

*(4.1) Thành phần hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ gửi lần đầu (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung), bao gồm: Kế hoạch vốn đầu tư năm của cấp có thẩm quyền giao; quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm (trừ trường hợp không yêu cầu phải lập dự toán); dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp tự thực hiện); quyết định giao quyền tự chủ của cấp có thẩm quyền (trường hợp chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị); quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị hoặc quy chế sử dụng kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được; văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Quyết định thành lập; hợp đồng.

b) Thành phần hồ sơ tạm ứng, thanh toán (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng, thanh toán) đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý một dự án; chủ đầu tư ủy thác toàn bộ quản lý dự án cho Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực:

- Hồ sơ tạm ứng, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền.

- Hồ sơ thanh toán, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng); các hồ sơ có liên quan khác theo quy định tại Tiết a3 Điểm a và Tiết c3 Điểm c Mục (4.1) Phần 4 Thủ tục 4.

c) Thành phần hồ sơ đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án; chủ đầu tư ủy thác một phần quản lý dự án cho Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực:

- Hồ sơ để chuyển kinh phí quản lý dự án từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền.

- Hồ sơ tạm ứng, thanh toán chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng, thanh toán):

+ Hồ sơ tạm ứng, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền.

+ Hồ sơ thanh toán, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng); bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án; các hồ sơ có liên quan khác theo quy định tại Tiết a3 Điểm a và Tiết c3 Điểm c Mục (4.1) Phần 4 Thủ tục 4.

(*4.2) Số lượng hồ sơ*:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ quy định tại Điểm a,b và c Mục (4.1) là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng chứng từ chuyển tiền là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị KBNN thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thanh toán tạm ứng là 02 bản gốc; bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng là 01 bản gốc.

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

*(5) Thời hạn giải quyết:*

a) Đối với các khoản tạm ứng: Trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ khi KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của các chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b) Đối với các khoản thanh toán: Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

c) Đối với các khoản chi thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau: Trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ khi KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

*(6) Đối tượng thực hiện*: Các chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

*(7) Cơ quan giải quyết*: KBNN (TW, cấp tỉnh, cấp huyện).

(*8) Kết quả thực hiện*:

a) Trường hợp KBNN chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng chi phí quản lý dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: Xác nhận của KBNN trực tiếp trên chứng từ chuyển tiền. Trường hợp chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có tham gia giao dịch điện tử với KBNN qua dịch vụ công, KBNN gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp KBNN từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng chi phí quản lý dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: KBNN thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

*(9) Mẫu tờ khai*:

Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án được quy định tương ứng theo các Mẫu số 11, 16b1, 16b2, 16c1, 16c2, 16c3, 16c4, 05c, 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP; các mẫu tờ khai có liên quan khác quy định tại Phần 9 Thủ tục 4.

*(10) Phí, lệ phí*: Không

*(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*: Không

*(12) Căn cứ pháp lý:* Nghị định số 11/2020/NĐ-CP

*Ghi chú:* những bộ phận bị thay thế gồm: Tên TTHC; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; kết quả thực hiện, mẫu tờ khai.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này |  | **Mẫu số 05c Ký hiệu: C3-02/NS** Số:…… Năm NS:…. |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG VỐN ĐẦU TƯ**

**Tạm ứng sang thực chi □ Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT □**

Tên dự án: ………………………………………………………………………………………………….

Chủ đầu tư:……………………………………… Mã ĐVQHNS:……………………………………….

Tài khoản:……………………………………….. Tại KBNN: …………………………………………..

Tên CTMT, DA: …………………………………………………………………………………………..

……………….Mã CTMT, DA:……………………… Số CKC, HĐTH ……………………………….

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:………………………………… ngày …../…../…..

Và số dư tạm ứng/ứng trước kinh phí đầu tư của dự án: ……………………………………………

Đề nghị Kho bạc Nhà nước …………………..….. thanh toán số tiền đã Tạm ứng □/Ứng trước chưa đủ ĐKTT □ thành Thực chi □/Ứng trước đủ ĐKTT □ theo chi tiết sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mã NDKT** | **Mã chương** | **Mã ngành KT** | **Mã nguồn NSNN** | **Năm KHV** | **Số dư tạm ứng/ứng trước** | **Số đề nghị thanh toán** | **Số KBNN duyệt thanh toán** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | |  |  |  |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ………………………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | | *Ngày….tháng….năm….* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | | |
|  | | | | |
| **PHẦN DÀNH KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI**  Số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………………….  ………………………………………………………………………………… | | | |  |
| **PHẦN KBNN GHI** |
| Nợ TK:…………………  Có TK:………………….  Mã ĐBHC………………. |
| *Ngày….tháng….năm….* | | | | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | | **Giám đốc** | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 07** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG**

*(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số Năm Ngân sách )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | **Đơn vị sử dụng Ngân sách:**  **Mã đơn vị:**  **Mã nguồn:**  **Mã CTMTQG, Dự án ODA ...:** | | | | **Thanh toán trực tiếp: □**  **Tạm ứng: □**  **Thu hồi tạm ứng: □** | | | | | |
| **STT** | **Hóa đơn** | | | **Chứng từ** | | **Mã NDKT** | | **Nội dung chi** | **Số tiền** | | | |
| **Số** | **Ngày/tháng/năm** | | **Số** | **Ngày/tháng/năm** | **Số lượng** | **Định mức** | **Đơn giá thực tế** | **Thành tiền** |
| **(1)** | **(4)** | **(5)** | |  |  | **(6)** | | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** | **(11=8\*10)** |
|  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| **Tổng số tiền bằng số:** | | | | | | | | | | |  |  |

Tổng số tiền bằng chữ: …………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng:……………………………………………………………….. Số thanh toán: …………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *….., ngày….tháng….năm…..* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

1. Mẫu này do đơn vị sử dụng ngân sách lập thành 02 liên:

- 01 liên gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản

- 01 liên lưu tại đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước

2. Cách kê khai Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng:

a) Cách kê khai cột Hóa đơn (nếu có): Đơn vị kê khai số, ngày tháng năm của Hóa đơn (trừ trường hợp tạm ứng).

b) Cách kê khai cột Chứng từ: Đơn vị kê khai số, ngày tháng năm của Chứng từ chi tại đơn vị sử dụng ngân sách (trừ trường hợp tạm ứng).

c) Cách kê khai cột nội dung chi: Đơn vị kê khai nội dung chi ngắn gọn, thống nhất so với nội dung chi trên chứng từ chi tại đơn vị, hóa đơn (nếu có) và Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng gửi Kho bạc Nhà nước.

3. Đơn vị kê khai số thu hồi tạm ứng phải phù hợp với Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; số thanh toán phải phù hợp với Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 08a** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

*(Áp dụng đối với các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: ……………………………………………………………………………

2. Mã đơn vị: …………………………………. Mã nguồn: ………………………………………………

3. Mã CTMTQG, Dự án ODA ...:…………………………………………………………………………

4. Căn cứ Hợp đồng số ………......... ký ngày …………tháng………..năm…………. và phụ lục hợp đồng số…………ngày………tháng……….năm ………. giữa tên (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ); giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký:

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày tháng năm giữa (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ):

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | | **(5)** | **(6)** |
|  |  |  |  | |  |  |
|  |  |  |  | |  |  |
| Tổng số | | | |  | |  |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng:………………………………. - Thanh toán trực tiếp:………………………….

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: …………………………………………………………………….

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: …………………………………………………………………………

- Thanh toán tạm ứng:………………………………. - Thanh toán trực tiếp: …………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP HÀNG HÓA, DỊCH VỤ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *Ngày…..tháng…..năm…..* **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 08b** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

*(Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài nước)*

THEO HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □ NGOÀI HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số: ……… ngày...tháng...năm……………… phụ lục bổ sung hợp đồng số: …….. ngày.... tháng…. năm …………………..

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ………. ngày…….tháng…….năm ……

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên công việc** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | | | | | **Đơn giá thanh toán** | | **Thành tiền (đồng)** | | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | | **Thực hiện** | | | **Tổng số** | | **Thực hiện** | | |
| **Khối lượng theo hợp đồng ban đầu** | **Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu** | **Lũy kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Lũy kế đến hết kỳ này** | **Theo hợp đồng** | **Đơn giá bổ sung (nếu có)** | **Theo hợp đồng ban đầu** | **Phát sinh so với hợp đồng ban đầu** | **Lũy kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Lũy kế đến hết kỳ này** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Giá trị hợp đồng ban đầu/Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ:………………………………………………. (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện nhà thầu***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* | *Ngày….tháng….năm 20…* **Đại diện chủ đầu tư/ban quản lý dự án chuyên ngành/ban quản lý dự án khu vực** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 08B**

1. Giá trị hợp đồng: Là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng cho nhà thầu chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: Là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*

5. Thanh toán thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

*(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho gói thầu hoặc dự án trong năm kế hoạch)*

7. Lũy kế giá trị thanh toán: gồm 2 phần:

- Tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng chưa được thu hồi đến hết kỳ trước (khoản 2) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 5) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 6.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành đến hết kỳ trước (khoản 3) cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 5), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng XDCB hoàn thành kỳ này (khoản 6).

8. Khi lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

a) Trường hợp lựa chọn ô *“Theo hợp đồng ban đầu”*, không phải kê khai cột 5 (Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu) và cột 12 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Giá trị hợp đồng”.

b) Trường hợp lựa chọn ô *“Ngoài hợp đồng ban đầu”*, không phải kê khai cột 4 (Khối lượng theo hợp đồng ban đầu) và cột 11 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu”.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 09** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**

*(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số ……… ngày….tháng.....năm….)*

**Tài khoản dự toán □ Tài khoản tiền gửi: □**

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: …………………………………………………………………………………………………………………………………….

2. Mã đơn vị: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại:…………………………………………………………………………………………..

**I. Nội dung đề nghị thanh toán:**

*(Đơn vị: Đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Tài khoản ngân hàng** | | **Tổng số** | **Trong đó:** | | | | | | | **Ghi chú** |
| **Số Tài khoản người hưởng** | **Tên ngân hàng** | **Lương và phụ cấp theo lương** | **Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng** | **Tiền thu nhập tăng thêm** | **Tiền thưởng** | **Tiền phụ cấp và trợ cấp khác** | **Tiền khoán** | **Tiền học bổng** |
| (1) | (2) | (3) |  | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
|  | Tổng số | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| I. | Đối với công chức, viên chức | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II. | Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III. | Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tổng số tiền bằng chữ: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………

**II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | *Ngày….tháng….năm…..* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** | | | |
| **Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên** | | *Ngày…..tháng…..năm….* **Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện** | |

***Ghi chú:***

1. Mẫu này do đơn vị sử dụng ngân sách lập thành 03 liên gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản xác nhận và lưu 01 liên; trả lại đơn vị sử dụng ngân sách 02 liên (01 liên gửi ngân hàng, 01 liên lưu tại đơn vị sử dụng ngân sách).

2. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm:

a) Tổng số công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, lao động thường xuyên theo hợp đồng được kê khai tại Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng phải phù hợp với số chỉ tiêu, biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm kê khai chính xác tên đối tượng thụ hưởng, tài khoản ngân hàng, tính toán số tiền thực nhận cho từng đối tượng thụ hưởng theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

3. Cột 12 (Ghi chú): Đơn vị ghi chú các trường hợp có thay đổi so với tháng trước

4. Cột 4 (Tổng số) = Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | **Mẫu số 11** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |
| **Chủ đầu tư:……..** Số: …………. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước ………………………….

Tên dự án, công trình: ………………………………… Mã dự án đầu tư: …………………………….

Chủ đầu tư/Ban QLDA………………………………… mã số ĐVSDNS: ……………………………..

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước…………..…………….tại: …………………………..

- Vốn ngoài nước…………………………tại …………………………..

Căn cứ hợp đồng số: ……………………. ngày.... tháng .... năm……. Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số...ngày....tháng….năm (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ……………………. đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán ……………………. đồng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số tiền đề nghị: | Tạm ứng | Thanh toán | Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo) |

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN; CTMT,………….)…………………………………………..

Thuộc kế hoạch vốn:………………………………. Năm...

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng** | **Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)** | | **Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)** | |
| **Vốn TN** | **Vốn NN** | **Vốn TN** | **Vốn NN** |
| Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng |  |  |  |  |  |
| **Cộng tổng** |  |  |  |  |  |

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:……………………………………………………

Bằng chữ:……………………………………………………………………………………………………

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):…………………………………………………………….

+ Vốn trong nước ………………………………………………………………………………………….

+ Vốn ngoài nước ………………………………………………………………………………………….

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số) ……………………………………………………………………..

+ Vốn trong nước ………………………………………………………………………………………….

+ Vốn ngoài nước ………………………………………………………………………………………….

Tên đơn vị thụ hưởng ……………………………………………………………………………………..

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng………………………………………. tại ………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày….tháng….năm….* **CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH/ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

**PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư ………………………………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau: |

*(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)*

*Đơn vị: đồng/USD...*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tổng số** | **Vốn trong nước** | **Vốn ngoài nước** |
| **Số vốn chấp nhận**  - Mục..., tiểu mục  - Mục..., tiểu mục  - Mục..., tiểu mục  - Mục..., tiểu mục  Trong đó:  - Số thu hồi tạm ứng  Các năm trước  Năm nay  - Thuế giá trị gia tăng  - ……………………………….  - Số trả đơn vị thụ hưởng  *Bằng chữ:* |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  | | |
| **Số từ chối:** |  |  |  |
| *Lý do:* | | | |

***Ghi chú:*** ……………………………………………………………………………………………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng phòng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Giám đốc KBNN** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN…** Số:…………….. |  | **Mẫu số 13** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN HOÀN TẠM ỨNG CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**

***(Từ tháng….. đến tháng….. năm……)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dự án** | **Số kinh phí QLDA còn lại chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang** | **Số kinh phí QLDA trích chuyển vào TKTG trong năm báo cáo** | | | **Phân bổ chi phí QLDA** | | | **Số kinh phí QLDA còn lại cuối kỳ chưa phân bổ** |
| **Tổng số** | **Trong đó: Trong kỳ báo cáo** | | **Lũy kế số đã phân bổ cho dự án đến cuối kỳ trước** | **Trong năm báo cáo** | |
| **Tổng số** | **Trong đó: Giá trị đề nghị phân bổ kỳ này** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 6 | 7 | 8 | 9=3+5-8 |
|  | **Tổng số:** |  |  |  | |  |  |  |  |
| 1 | Dự án A |  |  |  | |  |  |  |  |
| 2 | Dự án B |  |  |  | |  |  |  |  |
|  | ….. |  |  |  | |  |  |  |  |
| **Lập biểu** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | | | | *……, ngày…..tháng…..năm…..* **Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | | | | | |

***Ghi chú:* Hướng dẫn phương pháp lập Bảng phân bổ chi phí QLDA đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí QLDA**

1. Cột (2): Ghi đầy đủ tên các dự án đã được trích chuyển kinh phí QLDA vào TKTG mà chưa được phân bổ để hoàn ứng hết số đã trích vào TKTG.

2. Số liệu tại cột (3) của bảng phân bổ kỳ này phải khớp đúng với số liệu tại cột (9) của bảng phân bổ chi phí QLDA của kỳ báo cáo trước.

3. Số liệu tại cột (4) là số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG, bao gồm cả số đã trích chuyển kinh phí QLDA trong kỳ báo cáo tại cột (5).

4. Cột (7): Ghi lũy kế số chi phí QLDA phân bổ trong năm báo cáo, bao gồm cả số đề nghị phân bổ chi phí QLDA kỳ này ở cột (8).

5. Tổng số chi phí QLDA phân bổ cho từng dự án không được vượt quá tổng số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG của dự án đó.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | |  | | **Mẫu số 16b1 Ký hiệu: C3-01/NS** | |
|  | | **GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ** | |  | |
|  | Thực chi □ Tạm ứng □  Ứng trước đủ điều kiện thanh toán  Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán | | Chuyển khoản □  Tiền mặt tại KB □  Tiền mặt tại NH □ | |  |

Tên dự án:..………………………………………………………………………………………………….

Chủ đầu tư:…………………………………………………………Mã ĐVQHNS:……………………….

Tài khoản: ………………………………………….. Tại KBNN: …………………………………………

Tên CTMT, DA:……………………………………………………………………………………………..

…………………………Mã CTMT, DA:…………………………. Số CKC, HĐK:………………………

Số CKC, HĐTH………... Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ………….. ngày …/…/...

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Mã NDKT** | | **Mã chương** | **Mã ngành KT** | | **Mã nguồn NSNN** | **Năm KHV** | **Tổng số tiền** | | | | **Chia ra** | |
| **Nộp thuế** | **Thanh toán cho ĐV hưởng** |
| (1) | | (2) | | (3) | (4) | | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) | | | | (8) | (9) |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | | | |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | | | | |  | | | |  |  |
| Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………..  Trong đó:  **NỘP THUẾ:**  Tên đơn vị (Người nộp thuế): ……………………………………………  Mã số thuế:……………… Mã NDKT:…………. Mã chương:…………  Cơ quan quản lý thu: ………………………. Kỳ thuế: ……………………  KBNN hạch toán khoản thu: ……………………………………………..  Tổng số tiền nộp thuế (*ghi bằng chữ*): ………………………………….  ……………………………………………………………………………….  **THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG**  Đơn vị nhận tiền: ………………………………………………………….  Địa chỉ: ……………………………………………………………………..  Tài khoản: ………………………… Mã CTMT, DA và HTCT: ………….  Tại KBNN (NH): ……………………………………………………………  Hoặc người nhận tiền: ……………………………………………………  CMND số:…………………. Cấp ngày:…………. Nơi cấp: ……………  Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (*ghi bằng chữ*): ………….  ………………………………………………………………………………. | | | | | | | | | | |  | | | |
| **PHẦN KBNN GHI** | | | |
| **1. Nộp thuế:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Mã CQ thu: ……………….  Mã ĐBHC: …………………  **2. Trả đơn vị hưởng:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Mã ĐBHC: ………………… | | | |
| *Ngày….tháng….năm….* | | | *Ngày….tháng….năm….* | | | | | | | | | | | |
| **Người lĩnh tiền mặt** *(Ký, ghi họ tên)* | | | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | | | | | | | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | | | | |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  *Ngày…..tháng…..năm…..* | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thủ quỹ** | **Kế toán** | | | | | **Kế toán trưởng** | | | | | | **Giám đốc** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này |  | **Mẫu số 16b2 Ký hiệu: C3-06/NS** |

**BỘ NGOẠI GIAO**

**GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ KIÊM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi □ Tạm ứng □

Ứng trước đủ đk thanh toán □ Ứng trước chưa đủ đk thanh toán □

Tên dự án: ………………………………………………………………………………………………….

Chủ đầu tư: …………………………………………………………………………………………………

Tài khoản:……………………………………………………………………. tại Sở giao dịch KBNN.

Tên CTMT, DA: …………………………………………………………………………………………….

……………………………………...... Mã CTMT, DA: ……………………………………………………

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:…………………………………….. ngày …./…./….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Mã NDKT** | | **Mã chương** | **Mã ngành KT** | | **Mã nguồn NSNN** | | **Năm KHV** | | **Loại ngoại tệ** | **Tỷ giá** | | | **Số tiền** | |
| **Nguyên tệ** | **Quy ra VNĐ** |
| (1) | | (2) | | (3) | (4) | | (5) | | (6) | | (7) | (8) | | | (9) | (10) |
|  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | | |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | | | | | | | | | | |  |  |
| Đồng thời ghi thu NSNN chi tiết như sau: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cơ quan quản lý khoản thu:…………………………………………………..  Mã chương:…………..Mã số thuế:…………….Kỳ nộp phí, lệ phí:………. | | | | | | | | | | | | | | **PHẦN KBNN GHI** | | |
| Nợ TK:…………………  Có TK:…………………  Nợ TK:…………………  Có TK:…………………  Nợ TK:…………………  Có TK:…………………  Mã ĐBHC: ……………  Mã CQT: …………….. | | |
| **Nội dung** | **Mã NDKT** | | **Loại ngoại tệ** | | | **Tỷ giá** | | **Số tiền** | | | | |  |
| **Nguyên tệ** | | **Quy ra VNĐ** | | |
| (1) | (2) | | (3) | | | (4) | | (5) | | (6) | | |
|  |  | |  | | |  | |  | |  | | |
|  |  | |  | | |  | |  | |  | | |
| **Tổng cộng:** | | |  | | |  | |  | |  | | |

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:…………………………………………………………………….

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:…………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày…..tháng…..năm…..* | | | **BỘ NGOẠI GIAO** *Ngày…..tháng…..năm…..* | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này |  | **Mẫu số 16c1 Ký hiệu: C4-02a/KB** |

**ỦY NHIỆM CHI**

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển khoản □  Tiền mặt tại KH □ | Tiền mặt tại KB □ |

Lập ngày…..tháng…..năm…..

**Đơn vị trả tiền:** ……………………………………………………………………………………………..

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tại Kho bạc Nhà nước: …………………………………………………………………………………….

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Mã nhà tài trợ: ………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Mã nguồn NS** | **Niên độ NS** | **Số tiền** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | |  |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………………………………………….

Đơn vị nhận tiền: ………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): ……………………………………………………………………………..

Hoặc người nhận tiền: …………………………………………………………………………………….

Số CMND:………………………………. Cấp ngày:…………………. Nơi cấp:……………………….

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày....tháng….năm….* | | | | *Ngày….tháng….năm….* | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày….tháng….năm....* | |
| **Thủ quỹ** | **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Người nhận tiền** *(Ký, ghi họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | **ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)** | | | **Mẫu số 16c2 Ký hiệu: C4-02b/KB** |
|  | Chuyển khoản | |  |  |
|  |  | Tiền mặt tại ngân hàng □ | |  |

Lập ngày…..tháng…..năm…..

**Đơn vị trả tiền:** …………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………….

Tại Kho bạc Nhà nước: ……………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Mã nhà tài trợ:………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Mã nguồn NSNN** | **Niên độ NS** | **Số tiền** | | |
| **Nguyên tệ** | | **VND** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | | (5) |
|  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  | |  |
| **Tổng cộng:** | | |  | |  |
| Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:………………………………….  ………………………………………………………………………………  Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:………………………………………..  ……………………………………………………………………………… | | | |  | |
| **KBNN A GHI:**  Nợ TK: ……………………..  Có TK: …………………….. | |

Đơn vị nhận tiền: …………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………….. Tại Kho bạc Nhà nước (NH):………………………….

Hoặc người nhận tiền: …………………………………………………………………………………….

Số CMND: ……………………………….. Cấp ngày:……………………….. Nơi cấp:………………..

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày....tháng….năm….* | | | | *Ngày….tháng….năm….* | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày….tháng….năm....* | |
| **Thủ quỹ** | **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Người nhận tiền** *(Ký, ghi họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | **ỦY NHIỆM CHI**  Lập ngày….tháng….năm…. | **Mẫu số 16c3 Ký hiệu: C4-02c/KB** |

**Đơn vị trả tiền:** ……………………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước:……………………………………………………………………………………

Tài khoản:……………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Mã nguồn NSNN** | **Niên độ NS** | **Tổng số tiền** | **Chia ra** | |
| **Nộp thuế** | **TT cho ĐV hưởng** |
| (1) | (2) | (3) | (4) = (5) + (6) | (5) | (6) |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng:** | | |  |  |  |
| Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………..  ………………………………………………………………………………  **Trong đó:**  **NỘP THUẾ:**  Tên đơn vị (Người nộp thuế): ……………………………………………  Mã số thuế:……………… Mã NDKT:…………. Mã chương:…………  Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo:………………………………………  Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo:…………………………  Cơ quan quản lý thu:………………………………………………………  KBNN hạch toán khoản thu: ……………………………………………..  Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ………………………………….  ……………………………………………………………………………….  **THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG** | | | |  | |
| **KBNN A GHI**  **1. Nộp thuế:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Mã CQ thu: ……………….  Mã ĐBHC: …………………  **2. Thanh toán cho ĐV hưởng:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: …………………….. | |
| Đơn vị nhận tiền: ……………………………………………………………………………………………  Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………….  Tài khoản:……………………………………… Tại Kho bạc Nhà nước (NH): ………………………..  Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): …………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………………….. | | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày…..tháng…..năm…..* | | | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày…..tháng…..năm…..* | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | **ỦY NHIỆM CHI**  (Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác) | | **Mẫu số 16c4 Ký hiệu: C4-02d/KB** |
|  | | | |
|  | Chuyển khoản □ | Tiền mặt tại KB □  Tiền mặt tại NH □ |  |

Lập ngày….tháng….năm….

**Đơn vị trả tiền:** …………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước:…………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Số tiền** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Tổng cộng** |  |

Tổng số tiền đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:………………………………………………………….

Đơn vị nhận tiền: ……………………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): ……………………………………………………………………………..

Hoặc người nhận tiền: …………………………………………………………………………………….

Số CMND:……………………………….. Cấp ngày:…………………… Nơi cấp: …………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Ngày…..tháng…..năm….* **Người nhận tiền** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày….tháng….năm….* | |
| **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN KBNN GHI:**  Tỷ giá:……………………...Số tiền theo nguyên tệ:………………………  Số tiền nguyên tệ bằng chữ:………………………………………………..  …………………………………………………………………………………. | | | **KBNN A GHI:**  Nợ TK: ………………….  Có TK: …………………. |
| *Ngày….tháng….năm….* | | | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | |